TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2019/KDTM-PT
Ngày: 30/11/ 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị G3;

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn

Ông Phùng Hải Hiệp

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Nguyễn Trọng Vĩnh, Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 10/2019/TLPT ngày 19 tháng 4 năm 2019, do có kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10882/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, vụ án có các đương sự sau:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần A;

Địa chỉ: Số 130 A1, phường 3, quận A2, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông A3, sinh năm 1981 và ông A4; Địa chỉ: Số 32 - 34 A5, phường A6, quận A7, thành phố Hà Nội. Có mặt.

*** Bị đơn:** Công ty TNHH đầu tư và thương mại G;

Trụ sở: A26 ngõ 109 G1, phường G2, quận G3, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông G4, sinh năm 1979 - Giám đốc công ty; địa chỉ: Phòng 203, F14 tập thể G5, phường G6, quận G3, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

- Bà N, sinh năm 1970; Nơi cư trú: B1 tập thể 198, tổ 13, B3 phường N2, quận N3, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Ông N1, sinh năm 1972; ĐKHKTT: Thôn N4, xã N5, huyện N6, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Ông W, sinh năm 1978 và bà H , sinh năm 1979; cùng trú tại: Thôn V, xã V1, huyện V2, thành phố Hà Nội. Vắng mặt ông W, bà H có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H : Ông N7 – Luật sư Văn phòng Luật sư N8, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Anh H1, sinh năm 1999 (con ông W, bà H), có mặt.

- Văn phòng đăng ký đất đai Z; trụ sở: N2B khu đô thị M1, đường M2, phường M3, quận G3, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông M4 - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Z, chi nhánh huyện V2. Vắng mặt.

- Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh huyện V2; trụ sở: Tổ 2 đường M5, thị trấn V2, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông M6 - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Z, chi nhánh huyện V2. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/12/2016 của đại diện theo ủy quyền Ngân hàng A có nội dung như sau:

Ngân hàng thương mại cổ phần A và Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và thương mại G đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 03301/H0035/12/NT ngày 23/11/2013 theo đó Ngân hàng A cấp cho Công ty G với mức vay tối đa là 1.100.000.000đ; thời hạn của hạn mức tín dụng là 60 tháng (23/11/2013 đến 23/11/2018); lãi suất có điều chỉnh quy định tại các hợp đồng vay vốn.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ bên vay đồng ý thế chấp, cầm cố bảo đảm tài sản của bên thứ ba là bất động sản tại tại thôn V, xã V1, huyện V2, thành phố Hà Nội mang tên bà N.

Ngày 25/11/2013 tại Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh, thành phố Hà Nội giữa Ngân Hàng A, công ty G và bà N đã ký hợp đồng thế chấp, theo đó tài sản thế chấp là thửa số 24b; tờ bản đồ số 08 tại thôn V, xã V1, huyện V2, thành phố Hà Nội; đất ở lâu dài; diện tích 287m^2 các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng theo giấy chứng nhận số: 00374QSDĐ/TC- XC do Ủy ban nhân dân huyện V2 cấp ngày 09/02/2010 được sang tên cho bà N; trị giá tài sản thế chấp là 1.722.000.000đ theo Văn bản định giá ngày 15/11/2013.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp Ngân hàng A đã ký với Công ty G hai Hợp đồng, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 03301H0035/12 ngày 27/11/2013 vay gốc 600.000.000đ; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 14%/năm; lãi quá hạn l,5 lần lãi trong hạn và Hợp đồng tín dụng số: H0036/1 ngày 03/01/2014 vay gốc

500.000.000đ; thời hạn vay 12 tháng; lãi suất 13%/năm; lãi quá hạn 1,5 lần lãi trong hạn.

Tổng số tiền phải thanh toán số tiền gốc và lãi tính đến ngày 24/11/2016 là: 1.551.520.830 đồng (Gồm nợ gốc: 1.100.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 264.374.997đ; lãi quá hạn: 187.145.833đ).

Ngân hàng A yêu cầu Công ty G phải thanh toán số tiền trên; nếu không thanh toán thì xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng đã ký.

Theo đề nghị ngày 14/12/2018 của Ngân hàng thương mại cổ phần A yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và thương mại G phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 30/11/2018 là 2.014.520.831 đồng (Gồm nợ gốc: 1.100.000.000đ; nợ lãi trong hạn: 271.841.664đ; Lãi quá hạn: 642.679.167đ). Trường hợp không thanh toán đề nghị Tòa án xử lý phát mại tài sản thế chấp.

Ngày 23/8/2017, ông W có đơn yêu cầu độc lập, nội dung: Hủy phần chứng nhận chuyển nhượng cho bà N với lý do giao dịch giữa ông và bà N là bị lừa dối, bản chất sự việc chuyển nhượng này chỉ là cho thuê quyền sử dụng đất 5 năm theo hợp đồng thuê đất lập ngày 07/6/2010. Đồng thời ông W đã xuất trình hợp đồng thuê đất viết tay giữa ông W với bà N lập ngày 07/6/2010. Theo văn bản này thì ông W cho bà N thuê sổ đỏ mang tên W tại địa chỉ thôn V, xã V1, huyện V2, thành phố Hà Nội; đất ở lâu dài; diện tích 287m^2 và sang tên sổ đỏ cho bà N nhằm mục đích vay vốn Ngân Hàng không phải mua bán tặng cho, hạn trong vòng 5 năm, số tiền thuê 200.000.000đồng.

Tại bản tự khai ngày 24/9/2018, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội xác định việc đăng ký biến động về đất đai đối với thửa đất số 24b; tờ bản đồ số 08 tại thôn V, xã V1, huyện V2, thành phố Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 02/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 716 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; điểm đ khoản 1 Điều 143 và khoản 2 Điều 165 Luật tố tụng hành chính;

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo; Nghị định số 11/2012 NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A, cụ thể: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và thương mại G thanh toán trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền nợ theo hai hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số: 03301H0035/12 ngày 27/11/2013 tổng số tiền phải thanh toán tính đến ngày 30/11/2018 là 1.084.166.663đ (gồm gốc 600.000.000đ, lãi trong hạn 227.966.663đ, lãi quá hạn 256.200.000đ).

- Hợp đồng tín dụng số: H0036/1 ngày 03/01/2014 tổng số tiền phải thanh toán tính đến ngày 30/11/2018 là 930.354.168đ (gồm gốc 500.000.000đ, lãi trong hạn 43.875.001đ, lãi quá hạn 386.479.167đ).

Tổng số tiền phải thanh toán theo 2 hợp đồng là 2.014.520.831 đồng tính đến ngày 30/11/2018.

Kể từ ngày 01/12/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và thương mại G còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc theo hai hợp đồng trên, nếu có sự điều chỉnh lãi suất thì phải thực hiện việc điều chỉnh theo quy định của hợp đồng.

Trong trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và thương mại G không thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản tiền trên, Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ các khoản nợ là thửa đất số 24b; tờ bản đồ số 08 tại thôn V, xã V1, huyện V2, thành phố Hà Nội; đất ở lâu dài; diện tích 287m^2, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số: 00374QSDĐ/TC-XC do Ủy ban nhân dân huyện V2 cấp ngày 09/02/2010 được sang tên bà N; theo hợp đồng thế chấp số: 001897/2013-HĐTCBL ngày 25/11/2013 tại văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh thành phố Hà Nội; số công chứng 001897, quyển số 2.

Đối với phần tài sản được xây dựng trên đất thế chấp sẽ được xử lý theo quy định của Nghị định số 11/2012 NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo và Luật thi hành án dân sự.

Nếu số tiền bán tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán nợ thì Công ty trách nhiệm hữu hạn đầu tư và thương mại G phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho đến khi thi hành án xong. Trường hợp khi xử lý tài sản thế chấp (là quyền sử dụng đất) còn thừa thì giao số tiền cho ông W quản lý, nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu hủy đăng ký biến động về đất đai của ông W.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành quyết định của bản án, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 16/01/2019 Ngân hàng thương mại cổ phần A kháng cáo đề nghị hủy bỏ một phần bản án sơ thẩm do không xử lý tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần A đã được các bên thực hiện hợp đồng thế chấp, đăng ký giao dịch đảm bảo và cam kết theo quy định.

Ngày 02/01/2019, bà H kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H xuất trình hợp đồng ủy quyền ngày 13/8/2018 dược Đại sứ quán Việt Nam tại Singapore xác nhận, theo đó ông W ủy quyền cho bà tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm, đồng ý mọi ý kiến mà bà H đưa ra. Bà H trình bày là đã thông báo cho tòa án sơ thẩm việc ông W đi ra nước ngoài và đang làm thủ tục ủy quyền nhưng Tòa sơ thẩm vẫn đình chỉ yêu cầu độc lập là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình bà.

Luật sư cho rằng bà N và ông W đã ký hợp đồng chuyển nhượng đất nhưng đây là hợp đồng giả cách để thực hiện việc vay tiền ở ngân hàng; Kể cả hợp đồng thuê và hợp đồng chuyển nhượng tài sản thì gia đình ông W cũng chưa được nhận tiền và chưa có việc bàn giao tài sản. Ngân hàng có thiếu sót khi làm thủ tục ngân hàng không đến thẩm định nên không biết trên đất có những tài sản gì và bao nhiêu người sinh sống trên đất thế chấp. Việc ông W đi nước ngoài đã được bà H thông báo cho Tòa án nhưng thủ tục tống đạt không hợp lệ, mặt khác bà H vẫn tham gia tố tụng nhưng Tòa án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu của ông W là không đúng. Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và sai về nội dung nên đề nghị hủy để xét xử lại.

Ông N1 là đại diện theo ủy quyền của bà N (Người có quyền và nghĩa vụ liên quan) cho rằng: Đúng là việc ký kết hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông W và bà N chỉ nhằm mục đích để làm thủ tục vay tiền tại ngân hàng, thể hiện là sau thời điểm chuyển nhượng đất, bà N vẫn ký giấy thuê đất của ông W và vì vậy nên ngân hàng cũng không thẩm định. Ông N1 đề nghị hủy án sơ thẩm, mặt khác đề nghị xem xét về khoản tiền lãi cho đúng vì Ngân hàng chắc chắn có điều chỉnh lãi theo từng thời kỳ theo quy định chung, trong vụ án này không được xem xét là không đảm bảo quyền lợi của người vay và cả người thế chấp.

Đại diện ngân hàng thừa nhận tại Hợp đồng tín dụng, hai bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất và thực tế hàng năm ngân hàng A có điều chỉnh lãi nhưng hiện tại chưa cung cấp được Quyết định liên quan đến việc điều chỉnh lãi suất. Đối với việc giảm lãi thì đã trình bày ở phiên tòa sơ thẩm là doanh nghiệp vay phải có đủ các điều kiện như có biến động, có đơn đề nghị thì ngân hàng mới có căn cứ để xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các nội dung kháng cáo đề nghị áp dụng Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về tố tụng:

[1.1]. Theo văn bản ủy quyền ngày 31/5/2017, người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án - bà H và con trai là cháu H1 ủy quyền cho ông W tham gia tố tụng, nhất trí quan điểm của ông W.

Ngày 23/8/2017, ông W làm đơn yêu cầu độc lập đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà N do giao dịch giữa ông và bà N bị lừa dối. Bản chất việc chuyển nhượng đất là thuê quyền sử dụng đất trong 5 năm. Căn nhà 3 tầng trên đất đã chuyển nhượng cho bà N có công sức của bà H .

Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2017, bà H yêu cầu hủy giao dịch giữa ông W với bà N để trả lại đất cho gia đình bà; bà H cho biết ông W đã đi lao động tại Singapo (Bl 495- 496) đồng thời đề nghị Tòa án cho thêm thời gian vì chồng bà đi làm xa nên đang làm thủ tục ủy quyền (BL 493). Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H trình bày thực chất ông W cho bà N thuê đất nhưng chưa được bà N trả tiền, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ để hợp lý hóa hồ sơ thế chấp nên vợ chồng bà bàn bạc, thống nhất đề nghị hủy giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà N.

Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ yêu cầu của bà H có phải là yêu cầu độc lập hay không để thụ lý, giải quyết là thiếu sót, ảnh hưởng quyền của đương sự trong vụ án.

[1.2]. Trước khi đưa vụ án ra xét xử (Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 06/11/2018) bà H tham gia tố tụng và đã thông báo cho Tòa án cấp sơ thẩm biết ông W thay đổi địa chỉ nơi cư trú và đang ở nước ngoài, lẽ ra Tòa án sơ thẩm cần tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về việc thay đổi cư trú của ông W; làm rõ việc ông W ủy quyền tham gia tố tụng như thế nào để thực hiện việc tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định của tố tụng dân sự.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ các nội dung trên nhưng vẫn tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông W thông qua bà H , không xem xét, giải quyết yêu cầu của bà H mà đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông W với lý do người có quyền và nghĩa vụ liên quan từ bỏ yêu cầu độc lập là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông W và bà H .

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại khoản 3.2 Điều 3 Hợp đồng tín dụng số 03301H0035/12/NT ngày 23/11/2013 ghi: "c): Lãi suất cho vay là lãi suất có điều chỉnh được quy định tại các hợp đồng vay vốn". Tại khoản 2.3 Điều 2 của Hợp đồng vay vốn số H0036/1 ngày 03/01/2014: "Lãi suất trong hạn 13%/năm. Lãi suất này là lãi suất có điều chỉnh...". Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A thừa nhận ngân hàng có điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ nhưng chưa cung cấp được văn bản quy định về nội dung trên. Do đó việc thu thập chứng cứ để làm rõ việc điều chỉnh lãi suất là cần thiết để xác định chính xác số tiền lãi mà bên vay

phải thanh toán. Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ về các vấn đề trên nhưng đã chấp nhận yêu cầu của ngân hàng, buộc bên vay phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng suốt cả thời gian vay là chưa đủ cơ sở và làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên vay và bên thế chấp.

[2.2]. Theo Hợp đồng thế chấp thì ngày 25/11/2013 tại Văn phòng công chứng Tuệ Tĩnh, thành phố Hà Nội giữa Ngân Hàng A, Công ty G và bà N đã ký hợp đồng thế chấp tài sản là đất ở. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ngân hàng xác định tại thời điểm thế chấp, trên đất thế chấp đã có nhà và tài sản khác, gia đình ông W và bà H vẫn sinh sống trên nhà đất này. Tại Biên bản định giá tài sản thế chấp ngày 11/11/2013 thể hiện kết quả định giá đã căn cứ vào tình hình thẩm định tài sản bảo đảm thực tế, tuy nhiên phía nguyên đơn không cung cấp biên bản thẩm định. Do đó cần thu thập chứng cứ làm rõ ngân hàng có thẩm định tài sản hay không, nếu có thì quá trình thẩm định, gia đình bà H sinh sống trên đó có ý kiến như thế nào.

Mặt khác, ngày 28/01/2010, ông W ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên cho bà N (Hợp đồng chuyển nhượng chỉ thể hiện nội dung chuyển nhượng đất, không chuyển nhượng tài sản trên đất); ngày 07/6/2010 ông W ký hợp đồng thuê đất với bà N. Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của bà H và ông N1 (Đại diện theo ủy quyền của bà N) thì việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất chỉ nhằm mục đích để bà N thế chấp tài sản cho ngân hàng.

Như vậy, cần thu thập chứng cứ, xác định chính xác giá trị pháp lý của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông W và bà N, Hợp đồng thế chấp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà N và trường hợp nhận tài sản thế chấp của ngân hàng có ngay tình không để giải quyết vụ án đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự.

Từ những phân tích trên cho thấy, bản án sơ thẩm vi phạm cả về thủ tục tố tụng và nội dung; đối với các nội dung cần làm rõ, cấp phúc thẩm không thể khắc phục nên cần hủy bản án để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm; hoàn trả lại phần dự phí kháng cáo đã nộp. Án phí sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Hủy Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2019/KDTM-ST ngày 02 tháng 01 năm 2019, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí: Người kháng cáo không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân

sự thành phố Hà Nội; cụ thể hoàn trả cho bà H 2.000.000 (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu số: AA/2017/0006241 ngày 18/01/2019 và hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 2.000.000 (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu số: AA/2017/0006248 ngày 22/01/2019.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được xem xét trong quá trình giải quyết lại bản án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./..

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tp Hà Nội;
- VKSND tp Hà Nội;
- Cục Thi hành án DS tp Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị G3